

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 55/2020/HS-ST

Ngày 25/9/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phan Kim Mạnh.

Ông: Tôn Hoàng Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Thành Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 21/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69 /2020/QĐXXST-HS ngày 10/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc V – Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1972, tại huyện N L, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khối 5, phường N T, thị xã C L, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: Lớp 5; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Ngọc N (Chết) và bà: Nguyễn Thị T.

Vợ: Nguyễn Thị T1 và 02 đứa con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2020 đến ngày 11/3/2020.

Có mặt.

2. Nguyễn Thị D – Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1962, tại huyện N L, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khối 5, phường N T, thị xã C L, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 1; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn T (Chết) và bà Lê Thị H (chết).

Chồng: không; con nuôi: 01 đứa.

Tiền án; tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: không.

Có mặt.

3. Nguyễn Xuân K – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1981, tại huyện Y T, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 7; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Nguyễn Xuân T và bà: Nguyễn Thị T2.
Vợ: Chu Thị H; con: 03 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 đến ngày 10/3/2020.
Có mặt.

4. Thái Khắc T – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1972, tại huyện T K, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 8; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Thái Khắc H (Chết) và bà: Thái Thị S (Chết).
Vợ: Lô Thị L; con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 đến ngày 10/3/2020.
Có mặt.

5. Trần Văn H – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1980, tại huyện K S, tỉnh Ninh Bình.
Nơi ĐKKHKT : Khối T P, phường H H, thị xã T H, tỉnh Nghệ An.
Nơi tạm trú: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; Trình độ văn hóa: Lớp 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Trần Văn T và bà: Trần Thị H.
Vợ: Hồ Thị Thanh T; con: 03 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 đến ngày 10/3/2020.
Có mặt.

6. Trần Văn S – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1986, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Trần Văn P và bà: Lê Thị B.
Vợ: Lại Thị H; con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/02/2006 bị Công an huyện Quỳnh Châu xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe, tính mạng người khác”. Phạt tiền 1.000.000,đ.
Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 13/3/2020.
Có mặt.

7. Văn Đức B – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1981, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 3; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Văn Đức N (Chết) và bà: Nguyễn Thị T3.
Vợ: Lang Thị H; con: 04 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 đến ngày 10/3/2020.
Có mặt.

8. Lê Văn C – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1981, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Lê Anh Q (Chết) và bà: Đinh Thị H.
Vợ: Mạc Thị H; con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2020 đến ngày 11/3/2020.
Có mặt.

9. Hồ Xuân Phong – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1986, tại thị xã T H, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khối L H, phường L S, thị xã T H, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: Lớp 8; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Hồ Văn S và bà: Nguyễn Thị P.
Vợ: Nguyễn Thị Hương G; con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 13/3/2020.
Có mặt.

10. Nguyễn Ngọc V – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1975, tại huyện N L, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản B Q, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 1; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Nguyễn Ngọc N (Chết) và bà: Nguyễn Thị H.

Vợ: Nguyễn Thị H1; Con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 13/3/2020.
Có mặt.

11. Nguyễn Thị O – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1974, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khối Q V, phường Q T, thị xã T H, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Nguyễn Trọng D và bà: Phan Thị M.
Chồng: Nguyễn Sỹ T (Chết); con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Tạm giữ, tạm giam: Không.
Có mặt.

12. Nguyễn Thị P – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1992, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Nguyễn Trọng N và bà: Văn Thị D.
Chồng: Trần Quang K; con: 02 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Tạm giữ, tạm giam: Không.
Có mặt.

13. Bùi Hữu V – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1964, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 4; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Bùi Hữu X (Chết) và bà: Nguyễn Thị T4 (Chết).
Vợ; con: Không.
Tiền án: Ngày 14/5/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Ngày 29/7/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 (Chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 09/02/2018. Ngày 28/9/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.
Tiền sự: Không.
Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 02/3/2020.
Có mặt.

14. Lại Thế T – Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 2000, tại huyện Q 1, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản B Q, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Lại Thế V và bà: Nguyễn Thị N.
Vợ; con: Không.
Tiền án; tiền sự: Không.
Tạm giữ, tạm giam: Không.
Có mặt.
15. Nguyễn Thị C – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1968, tại huyện N L, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản Đ C, xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 1; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Nguyễn Ngọc N1 (Chết) và bà: Nguyễn Thị T5.
Chồng: Trần Ngọc T; con: 03 đứa.
Tiền án; tiền sự: Không.
Nhân thân: Ngày 23/12/2013 bị Công an huyện Quỳnh Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Phạt tiền 500.000,đ.
Bị tạm giữ từ ngày 06/3/2020 đến ngày 12/3/2020.
Có mặt.
-Những người làm chứng: Lê Mạnh L, sinh năm 1988; Trần Ngọc M, sinh năm 1994; Nguyễn Trọng V, sinh năm 1987.
Đều cư trú: Bản Đ C, xã C B huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/02/2020 gia đình Nguyễn Thị C tổ chức cưới cho con. Sau khi tổ chức đám vui xong khoảng 23 giờ cùng ngày thì Nguyễn Trọng V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc V và một người không xác định được lai lịch vào trong nhà Nguyễn Thị C và thấy bộ bài Túlôkhor nên đã bàn nhau đánh bài ba cây thắng thua bằng tiền. Hình thức đánh trong 52 quân bài thì chọn lấy các quân bài từ A (1) đến 9 và quy định người chia bài là người cầm cái, người cầm cái sẽ chia cho mỗi người đánh là 03 quân bài, tổng điểm 03 quân bài người nào lớn hơn điểm người cái thì thắng cược và nếu thấp hơn thì thua cược, nếu bằng điểm với người cầm cái thì căn cứ vào chất của các quân bài theo thứ tự là cơ, rô, chuồn, bích, nếu người nào được tổng bằng 10, 20 điểm thì được nhân đôi số tiền đã đặt cược, người nào được 03

quân bài cùng số thì được gấp 3 số tiền đã đặt cược, người nào được 03 quân bài cùng chất của 03 số liền kề thì được gấp 4 số tiền đã đặt cược. Số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất thì do người chơi tự thỏa thuận với nhau. Lúc đầu V là người cầm cái, sau đó ai được 10 điểm thì người đó tiếp tục cầm cái. Đến khoảng 23 giờ 30 phút thì có thêm Trần Ngọc M, Lê Mạnh L đi đến và cũng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 45 phút thì có Nguyễn Xuân K, Thái Khắc T, Trần Văn H và một số người khác đi đến, trong đó K, T, H vào tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc thì K và H đã cho Bùi Hữu V số tiền 250.000,đ số tiền này V đã mua bia với chị Nguyễn Thị P hết 170.000,đ, còn lại 80.000,đ, Trần Văn S ngồi xem được một lúc cũng gửi tiền cược qua bài của K, đánh đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 01/3/2020 thì Nguyễn Trọng V, Trần Ngọc M, Lê Mạnh L nghỉ và đi về nhà không tham gia đánh nữa.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày 01/3/2020 có Văn Đức B, Lê Văn C, Hồ Xuân P, Nguyễn Ngọc V đến và cùng tham gia đánh bạc. Lúc này Trần Văn S chuyển sang gửi tiền cược qua bài của P. Quá trình đánh bạc thì V hết tiền nên vay với Lại Thế T số tiền 100.000,đ để tiếp tục đánh. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Thị O cùng vào tham gia đánh bạc, Nguyễn Thị P gửi tiền cược qua bài của O, Bùi Hữu V dùng số tiền còn lại 80.000,đ gửi cược qua bài của Nguyễn Thị D. Đến khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày, V không tham gia đánh bạc nữa và trả lại cho Lại Thế T số tiền 40.000,đ, lúc này T vào thay chỗ của V để đánh bạc.

Quá trình điều tra các bị cáo và các đối tượng khai nhận tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 7.730.000,đ, cụ thể như sau: Nguyễn Ngọc V sử dụng: 640.000,đ; Nguyễn Thị Dg sử dụng 500.000,đ; Nguyễn Trọng V sử dụng 300.000,đ, quá trình đánh bạc thua mất 30.000,đ, còn 270.000,đ V đem về nhà, sau đó giao nộp cho cơ quan điều tra; Trần Ngọc M sử dụng 90.000,đ, quá trình đánh thắng được 10.000,đ, toàn bộ số tiền trên đối tượng đưa về nhà, sau đó đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra; Lê Mạnh L sử dụng 30.000,đ; Nguyễn Xuân K sử dụng 180.000,đ; Thái Khắc T sử dụng 200.000,đ; Trần Văn H sử dụng 300.000,đ; Trần Văn S sử dụng 80.000,đ; Văn Đức B sử dụng 3.500.000,đ ; Lê Văn C sử dụng 140.000,đ; Hồ Xuân P sử dụng 700.000,đ; Nguyễn Ngọc V sử dụng 260.000,đ; Nguyễn Thị O sử dụng 140.000,đ; Nguyễn Thị P sử dụng 250.000,đ, quá trình đánh bạc thắng được 100.000,đ, toàn bộ số tiền trên P cất dấu ở trong người sau đó đem giao nộp cho cơ quan điều tra; Bùi Hữu V sử dụng 80.000,đ; Lại Thế T sử dụng 340.000,đ, lúc bị bắt

quả tang đối tượng bị thua số tiền 280.000,đ, còn 60.000 đồng để tại chiếu bạc đối tượng đã cắt dấu vào trong túi quần sau đó giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Trong quá trình các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc Nguyễn Thị C biết và có mặt trong lúc các đối tượng đang đánh bạc nhưng không ngăn cản mà để mặc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình.

Đến khoảng 02 giờ 15 phút cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Quỳnh Châu bắt quả tang các đối tượng: Trần Văn H, Nguyễn Xuân K, Thái Khắc T, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.390.000,đ, 01 bộ bài Túlokhơ có 36 quân bài; thu giữ trong túi áo để trên ghế gỗ phía trong nhà số tiền 1.300.000,đ, đồng thời lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện Quỳnh Châu để điều tra làm rõ. Lợi dụng sơ hở lúc đông người một số đối tượng đã bỏ trốn sau đó các đối tượng: Văn Đức B, Nguyễn Ngọc V, Lê Văn C, Trần Văn S, Hồ Xuân P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Thị D, Lại Thế T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị O, Bùi Hữu V, Nguyễn Thị C đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Châu để đầu thú.

Trong quá trình điều tra các bị cáo và các đối tượng khác đã tự nguyện giao nộp số tiền dùng vào việc đánh bạc gồm:

- Nguyễn Trọng V giao nộp: 270.000,đ.
- Trần Ngọc M giao nộp: 100.000,đ.
- Nguyễn Thị P giao nộp: 350.000,đ.
- Lại Thế T giao nộp: 60.000,đ.

Cáo trạng số 53/CT - VKS – HS ngày 19/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo: Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị D; Nguyễn Xuân K; Thái Khắc T; Trần Văn H; Trần Văn S; Văn Đức B; Lê Văn C; Hồ Xuân P; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P; Lại Thế T Về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Hữu V về tội “Đánh bạc” theo điểm d khoản 2 điều 321 của Bộ luật hình sự. Truy tố Nguyễn Thị C về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 1 điều 322 của Bộ luật hình sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm d khoản 2 điều 321, điểm s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 38, điều 58 của Bộ luật hình sự . Xử phạt: Bùi Hữu V 03 (Ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: Đánh bạc. Căn cứ khoản 2 điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt với bản án Hình sự phúc thẩm số: 165/2020/HSPT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt Bùi Hữu V 01 (Một) năm tù về tội: Cố ý gây thương tích. Buộc bị cáo Bùi Hữu V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 58, điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Văn S 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù về tội: Đánh bạc, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 1 điều 322, điểm s, t khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị C 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội: Gá bạc, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 35, điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạt tiền Trần Văn H; Nguyễn Xuân K mỗi bị cáo từ 25.000.000,đ đến 30.000.000, đ về tội: Đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 35, điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạt tiền Văn Đức B và Hồ Xuân P mỗi bị cáo từ 25.000.000,đ đến 30.000.000, đ về tội: Đánh bạc.

Phạt tiền Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị D; Thái Khắc T; Lê Văn C; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P; Lại Thế T mỗi bị cáo 20.000.000,đ đến 25.000.000,đ về tội: Đánh bạc.

Vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Túlơkhor.

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 9.170.000,đ (Chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho Nguyễn Thị D số tiền 1.300.000,đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

-Ý kiến của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ về mức hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, Kiểm sát viên thu thập, những người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không

có ai có khiếu nại về hành vi tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và kiểm sát viên.

Về sự có mặt của những người làm chứng: Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã lấy lời khai đầy đủ. Việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó căn cứ điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo là:

Ngày 29/02/2020 gia đình Nguyễn Thị C tổ chức cưới cho con. Sau khi tổ chức đám vui xong khoảng 23 giờ cùng ngày thì Nguyễn Trọng V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc V và một người không xác định được lai lịch vào trong phòng trên nhà Nguyễn Thị C và tại đây thấy bộ bài Túlơkhor không biết do những ai đánh bài trước đó để lại nên đã bàn nhau đánh bài ba cây thắng thua bằng tiền. Số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất thì do người chơi tự thỏa thuận với nhau. Lúc đầu V là người cầm cái, sau đó ai được 10 điểm thì người đó tiếp tục cầm cái. Đến khoảng 23 giờ 30 phút thì có thêm Trần Ngọc M, Lê Mạnh L đi đến và cũng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 45 phút thì có Nguyễn Xuân K, Thái Khắc T, Trần Văn H và một số người khác đi đến, trong đó K, T, H vào tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc thì K và H đã cho Bùi Hữu V số tiền 250.000,đ số tiền này V đã mua bia với chị Nguyễn Thị P hết 170.000,đ còn lại 80.000,đ, Trần Văn S ngồi xem được một lúc cũng gửi tiền cược qua bài của K, đánh đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 01/3/2020 thì Nguyễn Trọng V, Trần Ngọc M, Lê Mạnh L nghỉ và đi về không tham gia nữa.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày 01/3/2020 có Văn Đức B, Lê Văn C, Hồ Xuân P, Nguyễn Ngọc V đến và cùng tham gia đánh bạc. Lúc này Trần Văn S chuyển sang gửi tiền qua bài của P. Quá trình đánh bạc thì V hết tiền nên vay với Lại Thế T số tiền 100.000,đ. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Thị O cùng vào tham gia đánh bạc, Nguyễn Thị P gửi tiền cược qua bài của O, Bùi Hữu V dùng số tiền còn lại 80.000,đ gửi cược qua bài của Nguyễn Thị D, sau khi Nguyễn Ngọc V trả cho Lại thế T 40.000,đ thì T dùng số tiền đó đánh bạc.

Đến khoảng 02 giờ 15 phút cùng ngày khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Quỳnh Châu bắt quả tang các đối tượng: Trần Văn H, Nguyễn Xuân K, Thái Khắc T, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.390.000,đ, 01 bộ bài Tu lu khor có 36 quân bài; thu giữ trong túi áo trên ghế gỗ phía trong nhà của Nguyễn Thị

C số tiền 1.300.000,đ. Trong quá trình điều tra Nguyễn Trọng V giao nộp: 270.000,đ; Trần Ngọc M giao nộp: 100.000,đ ; Nguyễn Thị P giao nộp: 350.000,đ; Lại Thế T giao nộp: 60.000,đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận tổng số tiền các bị cáo và các đối tượng khác sử dụng vào mục đích đánh bạc là 7.730.000,đ, cụ thể như sau: Nguyễn Ngọc V : 640.000,đ; Nguyễn Thị D 500.000,đ ; Nguyễn Trọng V sử dụng 300.000,đ; Trần Ngọc M sử dụng 90.000,đ; Lê Mạnh L 30.000,đ ; Nguyễn Xuân K 180.000,đ ; Thái Khắc T 200.000,đ ; Trần Văn H 300.000,đ ; Trần Văn S 80.000,đ; Văn Đức B 3.500.000,đ ; Lê Văn C 140.000,đ; Hồ Xuân P 700.000,đ ; Nguyễn Ngọc V 260.000,đ; Nguyễn Thị O 140.000,đ; Nguyễn Thị P 250.000,đ ; Bùi Hữu V 80.000,đ ; Lại Thế T 340.000,đ. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu điều tra đã thu thập thì có đủ căn cứ chứng minh số tiền các bị cáo cùng các đối tượng khác dùng vào việc đánh bạc là 9.170.000,đ cụ thể: Thu tại chiếu bạc 8.390.000,đ và các bị cáo và các đối tượng khác giao nộp số tiền dùng vào việc đánh bạc là 780.000,đ. Tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu chỉ truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.730.000,đ là không chính xác.

Như vậy hành vi của các bị cáo: Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị D; Nguyễn Xuân K; Thái Khắc T; Trần Văn H; Trần Văn S; Văn Đức B; Lê Văn C; Hồ Xuân P; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P; Lại Thế T đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự. Hành vi của Bùi Hữu V đã phạm tội “Đánh bạc”, tuy nhiên Bùi Hữu V đã có hai tiền án và lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm d khoản 2 điều 321 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của Lê Mạnh L, Trần Ngọc M, Nguyễn Trọng V đánh bạc nhưng đến thời điểm Linh, Minh và Việt dừng việc đánh bạc, quá trình điều tra chứng minh được L, M V cùng các đối tượng khác đánh bạc với số tiền 2.320.000,đ. Do đó hành vi của L, M, V không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đúng quy định, không xem xét thêm.

Đối với Nguyễn Thị C biết các bị cáo và các đối tượng khác đánh bạc tại nhà thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình nhưng không ngăn chặn hoặc báo cơ quan có thẩm quyền xử lý mà để mặc họ đánh bạc với số lượng người trên 10 người. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị C đã phạm tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 điều 322 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm hại trật tự công cộng, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là nhằm thu lợi vật chất. Các bị cáo Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị D; Nguyễn Xuân K; Thái Khắc T; Trần Văn H; Trần Văn S; Văn Đức B; Lê Văn C; Hồ Xuân P; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P; Lại Thế T; Bùi Hữu V thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm, tính chất mức độ và vai trò của các bị cáo như nhau. Vì vậy cần căn cứ vào nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xét xử và áp dụng hình phạt cũng như

quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người sống có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung và đối với loại tội phạm này nói riêng.

Đối với Bùi Hữu V phạm tội với tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 321 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Do đó cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo bởi: Trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo; Sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện đã tự nguyện đến đầu thú tại Cơ quan điều tra; bị cáo có bố là người có công với nhà nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngày 28/9/2020 Bùi Hữu V bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích, bản án đã có hiệu lực thi hành ngay. Căn cứ khoản 2 điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai bản án buộc bị cáo chấp hành chung.

Đối với Trần Văn S có nhân thân xấu vào năm 2006 đã bị Công an huyện Quỳnh Châu xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đã chấp hành xong quyết định và được coi là chưa bị xử lý hành chính. Do đó cần xét xử nghiêm và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; Sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện đã tự nguyện đến đầu thú tại Cơ quan điều tra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 65 của bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và căn cứ khoản 3 điều 321 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Thị C phạm tội nghiêm trọng, có nhân thân xấu vào năm 2013 đã bị Công an huyện Quỳnh Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, mặc dầu bị cáo chưa thi hành quyết định, tuy nhiên căn cứ điều 7 và điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị C đã hết thời hiệu thi hành, như vậy bị cáo được coi là chưa bị xử lý hành chính, tuy nhiên ngày 04/9/2020 bị cáo đã chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính nộp phạt 500.000,đ, đây thể hiện về ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Do đó cần xét xử nghiêm và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm là Công an xã D Y, huyện D C, tỉnh Nghệ An trong việc phát hiện tội phạm; Sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện đã tự

nguyện đến đầu thú tại Cơ quan điều tra; Bị cáo là người có công với nhà nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s,t khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội không vì mục đích vụ lợi mà nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do thiếu hiểu biết các quy định của pháp luật, khi biết các bị cáo và các đối tượng khác đánh bạc tại nhà mình nhưng họ đều là người quen biết đến giúp việc cho gia đình nên không ngăn cản hoặc báo cơ quan chức năng dẫn đến bị cáo phạm tội. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 65 của bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và căn cứ khoản 3 điều 322 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị D; Nguyễn Xuân K; Thái Khắc T; Trần Văn H; Văn Đức B; Lê Văn C; Hồ Xuân P; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P; Lại Thế T các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó căn cứ vào khoản 1 điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ nghiêm để giáo dục các bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trần Văn H; Nguyễn Xuân K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Ngọc V; Thái Khắc T; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú, có bố là người có công với nước được nhà nước tặng thưởng Huân huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Thị D; Văn Đức B; Lê Văn C; Hồ Xuân P; Lại Thế T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ các đồ vật gồm:

- Thu giữ một bộ bài Túlokhơ gồm 36 quân bài.
- Thu tại chiếu bạc số tiền 8.390.000,đ.
- Thu trên ghế trong nhà Nguyễn Thị C số tiền 1.300.000,đ.
- Các bị cáo và các đối tượng khác giao nộp số tiền 780.000,đ.

Bộ bài Tú lơ khơ là công cụ thực hiện tội phạm không có giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 8.390.000, đ thu tại chiếu bạc và số tiền 780.000, đ do các bị cáo và các đối tượng khác giao nộp là số tiền dùng vào việc đánh bạc. Căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền 1.300.000, đ thu giữ trên ghế trong nhà Nguyễn Thị C. Đây là số tiền của Nguyễn Thị D không dùng vào việc đánh bạc. Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị D.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm d khoản 2 điều 321, điểm s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 38, điều 58 của Bộ luật hình sự . Xử phạt: Bùi Hữu V 03 (Ba) năm tù về tội: Đánh bạc. Căn cứ khoản 2 điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt với bản án Hình sự phúc thẩm số: 165/2020/HSPT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt Bùi Hữu V 01 (Một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích. Buộc bị cáo Bùi Hữu V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/3/2020.

- Căn cứ khoản 1 điều 321, điểm i,s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 58, điều 65, khoản 3 điều 321 của Bộ luật hình sự . Xử phạt: Trần Văn S 06 tháng tù về tội: Đánh bạc, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung phạt tiền Trần Văn S 20.000.000, đ (Hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ điểm b khoản 1 điều 322, điểm s,t khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 65, khoản 3 điều 322 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị C 01 năm tù về tội: Gá bạc, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C B, huyện Q C, tỉnh Nghệ An quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung phạt tiền Nguyễn Thị C 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 35, điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạt tiền Trần Văn H; Nguyễn Xuân K mỗi bị cáo là: 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội: Đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 35, điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạt tiền Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị D; Thái Khắc T; Văn Đức B; Lê Văn C; Hồ Xuân P; Nguyễn Ngọc V; Nguyễn Thị O; Nguyễn Thị P; Lại Thế T mỗi bị cáo 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng) về tội: Đánh bạc.

Vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Túlôkhor. Chi tiết các vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Quỳnh Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu ngày 21/8/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 9.170.000,đ (Chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho Nguyễn Thị D số tiền 1.300.000,đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền trên được phản ánh theo Lệnh thanh toán tiền mặt của Ngân hàng nông nghiệp huyện Quỳnh Châu – Tây Nghệ An ngày 23/9/2020. Đơn vị gửi tiền là Công an huyện Quỳnh Châu, đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu.

Án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- CA huyện Quỳnh Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lô Xuân Diệu